

BÁO CÁO

Ước tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 và dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện Côn Đảo về giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023;

UBND huyện Côn Đảo đã ban hành Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023.

UBND huyện Côn Đảo báo cáo tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 và dự toán năm 2024 như sau:

PHẦN I

ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

A. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thu NSNN năm 2023 ước thực hiện là 425.093 triệu đồng, đạt 106,27% so với dự toán được HĐND huyện giao đầu năm 2023 (không tính thu chuyển nguồn và kết dư ngân sách)¹. Trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp là 396.704 triệu đồng, đạt 104,95% dự toán năm. Cụ thể như sau:

I. Ước thu NSNN trên địa bàn: 101.408 triệu đồng, đạt 120,84% dự toán năm, trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp là 73.019 triệu đồng, đạt 117,98% dự toán năm. Chi tiết như sau:

1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) Trung ương: 550 triệu đồng, đạt 183,33% dự toán năm, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 324 triệu đồng, đạt 159,02% dự toán năm.

2. Thu từ khu vực DNNN địa phương: 11.940 triệu đồng, đạt 117,06% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 6.708 triệu đồng, đạt 116,95% dự toán năm.

¹ Thu ngân sách năm 2023 bao gồm số chuyển nguồn và kết dư là 832.974 triệu đồng, đạt 198,33% dự toán; ngân sách huyện được hưởng 804.585 triệu đồng, đạt 202,17% dự toán.

3. Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài: 7.050 triệu đồng, đạt 82,94% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.668 triệu đồng, đạt 83% dự toán năm. Khoản thu này do Cục Thuế tỉnh trực tiếp thu.

4. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: 26.250 triệu đồng; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 13.650 triệu đồng, đạt 138,16% dự toán năm.

5. Lệ phí trước bạ: 3.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.000 triệu đồng, đạt 150% dự toán năm.

6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 120 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 120 triệu đồng; khoản thu này phát sinh không lớn, không ổn định nên UBND tỉnh không giao chỉ tiêu thu trong dự toán thu đầu năm.

7. Thuế thu nhập cá nhân: 7.000 triệu đồng, đạt 100% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.250 triệu đồng, đạt 92,59% dự toán năm.

8. Phí - Lệ phí: 850 triệu đồng, đạt 50% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng 850 triệu đồng, đạt 50% dự toán năm.

9. Thu tiền sử dụng đất: 30.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 30.000 triệu đồng, đạt 100% dự toán năm.

10. Thu tiền thuê đất: 6.700 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 6.700 triệu đồng, đạt 335% dự toán năm.

11. Thu khác ngân sách: 5.750 triệu đồng, đạt 285,08% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.574 triệu đồng, đạt 196,7% dự toán năm.

12. Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản: 49 triệu đồng, ngân sách huyện không được hưởng khoản thu này; khoản thu này phát sinh không ổn định hàng năm nên UBND tỉnh không giao chỉ tiêu thu trong dự toán thu đầu năm.

13. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác: 99 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 99 triệu đồng; khoản thu này phát sinh không ổn định hàng năm nên UBND tỉnh không giao chỉ tiêu thu trong dự toán thu đầu năm.

II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 323.685 triệu đồng, đạt 102,4% dự toán năm. Trong đó:

1. Bổ sung cân đối ngân sách: 298.527 triệu đồng.

2. Bổ sung có mục tiêu: 25.158 triệu đồng.

III. Thu chuyển nguồn: 87.812 triệu đồng.

IV. Thu kết dư ngân sách: 336.069 triệu đồng.

V. Đánh giá khả năng thực hiện thu ngân sách năm 2023

Nhìn chung, tình hình tổng thu NSNN năm 2023 huyện Côn Đảo (*không tính thu bổ sung từ ngân sách tỉnh, thu chuyển nguồn, kết dư*) vượt dự toán được giao, đa số các nội dung thu đạt và vượt dự toán được giao. Kết quả cụ thể như sau:

- Có 08/10 nhiệm vụ thu cơ bản ước đạt và vượt dự toán được giao (*thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương, thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương, thu ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thu khác ngân sách*). Đặc biệt, có một số khoản thu cao đột biến so với dự toán được giao, gồm:

+ Thu lệ phí trước bạ ước đạt 150% dự toán năm. Nguyên nhân do công tác chống thất thu ở lĩnh vực chuyển nhượng bất động sản được đẩy mạnh, hạn chế tình trạng kê khai giá hợp đồng chuyển nhượng bất động sản thấp hơn giá giao dịch thực tế, nhờ đó mà số thu lệ phí trước bạ từ chuyển nhượng bất động sản tăng cao. Bên cạnh đó, số lượng xe ô tô đăng ký mới trên địa bàn phát sinh nhiều nên số thu từ lệ phí trước bạ ô tô lớn.

+ Thu tiền thuê đất ước đạt 335% dự toán năm. Nguyên nhân do thu tiền thuê đất của Công ty cổ phần Cam Ly theo kết luận của Kiểm toán nhà nước.

+ Thu khác ngân sách ước đạt 285,08%. Nguyên nhân do phát sinh đột biến số thu tiền chấp nộp tiền thuê đất truy thu của Công ty cổ phần Cam Ly theo kết luận của Kiểm toán nhà nước. Ngoài ra, số thu tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông và các lĩnh vực khác phát sinh lớn.

- Bên cạnh những khoản thu đạt và vượt dự toán nêu trên, còn 02/10 khoản thu không đạt dự toán được giao là thu từ khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và thu phí, lệ phí. Nguyên nhân:

+ Đối với thu từ khu vực đầu tư nước ngoài: do tình hình khó khăn của thị trường du lịch quốc tế ảnh hưởng đến khả năng hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến khả năng thu ngân sách.

+ Đối với thu phí, lệ phí: do giảm số thu từ phí thăm quan của Ban Quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo (hiện đơn vị được để lại 100% số thu).

B. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Ước tổng chi ngân sách huyện Côn Đảo năm 2023 là: 432.272 triệu đồng, ước đạt 108,62% so với dự toán được HĐND huyện giao đầu năm (432.272 triệu đồng/397.976 triệu đồng). Trong đó:

I. Chi đầu tư phát triển: 154.198 triệu đồng, ước đạt 144,63% (154.198 triệu đồng/106.618 triệu đồng) dự toán năm. Trong đó:

- Chi XDCB: 121.190 triệu đồng, đạt 149,87% dự toán (121.190 triệu đồng/80.864 triệu đồng);

- Mua sắm, sửa chữa TSCĐ: 33.008 triệu đồng, đạt 128,17% dự toán (33.008 triệu đồng/25.754 triệu đồng).

II. Chi thường xuyên: 267.660 triệu đồng, ước đạt 94,39% dự toán năm (267.660 triệu đồng/283.554 triệu đồng), trong đó:

1. Chi sự nghiệp nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 60.489 triệu đồng, ước đạt 99,15% dự toán năm.

2. Chi quốc phòng, an ninh: 8.500 triệu đồng, ước đạt 74,63% dự toán năm.

3. Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình: 11.684 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

4. Chi các hoạt động kinh tế, sự nghiệp môi trường: 90.526 triệu đồng, ước đạt 90,07% dự toán năm.

5. Chi các đơn vị sự nghiệp kinh tế: 6.257 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

6. Chi khoa học công nghệ: 100 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

7. Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, hội đặc thù: 66.741 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

8. Chi đảm bảo xã hội: 8.856 triệu đồng, ước đạt 78,4% dự toán năm.

9. Chi khác: 13.165 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

10. Khen thưởng: 1.342 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

III. Chi từ nguồn dự phòng: Đến ngày 22/11/2023, nguồn dự phòng ngân sách đã cấp cho công tác tiêm vắc xin Covid-19 đợt 1, 2 năm 2023 là 5 triệu đồng. Dự kiến số chi cả năm 200 triệu đồng để chi các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chiếm 2,56% dự toán giao đầu năm.

IV. Chi nộp trả ngân sách tỉnh: dự kiến 10.214 triệu đồng.

V. Đánh giá chi ngân sách năm 2023

Chi ngân sách huyện năm 2023 ước đạt 108,62% dự toán được HĐND huyện giao đầu năm chủ yếu do các khoản chi xây dựng cơ bản, mua sắm sửa chữa tài sản, sự nghiệp kinh tế được chuyển nguồn và bố trí lại từ kết dư ngân sách đề các Chủ đầu tư tiếp tục triển khai các dự án; một số kinh phí phát sinh tăng so với dự toán như chi khác (*do được bổ sung kinh phí tổ chức, trợ cấp Tết; kinh phí phối hợp tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh liệt sỹ...*).

PHẦN II

DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2024

A. CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN

- Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm;

- Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2024 - 2026;

- Nghị quyết 23/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định;

- Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

- Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

- Tờ trình số 296/TTr-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND huyện Côn Đảo về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách huyện Côn Đảo;

- Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/9/2023 của HĐND huyện Côn Đảo về việc phê duyệt phương án sử dụng kết dư ngân sách năm 2022;

- Các chế độ, chính sách được cấp thẩm quyền ban hành đang có hiệu lực thi hành;

B. DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Dự kiến thu NSNN năm 2024 theo dự toán UBND tỉnh giao là 535.787 triệu đồng, bằng 26% so với ước thực hiện dự toán năm 2023 (535.787 triệu đồng/425.093 triệu đồng). Trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 508.295 triệu đồng, bằng 128,1% so với ước thực hiện dự toán năm 2023 (508.295 triệu đồng/396.704 triệu đồng).

Dự kiến thu NSNN năm 2024 (bao gồm số kết dư ngân sách đề nghị bố trí thực hiện nhiệm vụ trong năm 2024) là 575.630 triệu đồng, Trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 548.138 triệu đồng. Cụ thể:

I. Dự kiến thu NSNN trên địa bàn: 212.720 triệu đồng, bằng 209,8% so với ước thực hiện năm 2023; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 185.228 triệu đồng, bằng 253,7% so với ước thực hiện dự toán năm 2023, trong đó:

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: 200 triệu đồng; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 104 triệu đồng.

2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương quản lý: 12.100 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 6.7224 triệu đồng.

3. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 7.450 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.874 triệu đồng.

4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 29.600 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 15.392 triệu đồng.

5. Lệ phí trước bạ: 3.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.000 triệu đồng.

6. Thuê thu nhập cá nhân: 7.300 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.364 triệu đồng.

7. Thu phí, lệ phí: 850 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 850 triệu đồng.

8. Tiền sử dụng đất: 40.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 40.000 triệu đồng.

9. Thu tiền thuê đất, mặt nước: 110.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 110.000 triệu đồng. Dự toán thu tiền thuê đất được UBND tỉnh giao tăng cao đột biến so với dự toán được giao năm 2023 do số thu tiền thuê đất từ Công ty cổ phần Cam Ly do thay đổi hình thức nộp tiền thuê đất hàng năm sang nộp 01 lần trong năm 2024.

10. Thu khác ngân sách: 2.220 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 1.920 triệu đồng.

II. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 323.067 triệu đồng.

III. Thu từ nguồn kết dư: 39.843 triệu đồng.

C. DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

- Về nguyên tắc, dự toán chi ngân sách địa phương được xây dựng dựa trên khả năng cân đối nguồn thu dự kiến năm 2024 (dự toán thu ngân sách năm 2024 điều tiết cho ngân sách huyện hưởng, cân đối nguồn kết dư ngân sách huyện), kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023, tình hình nhân sự hiện có mặt đến thời điểm tháng 11/2023 và nhu cầu kinh phí theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đơn vị để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024 của huyện. Đối với dự toán chi đầu tư phát triển, dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học - công nghệ, môi trường được phân bổ đảm bảo không thấp hơn dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách; dự toán chi thường xuyên của các lĩnh vực khác được phân bổ phù hợp với tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi; dự phòng ngân sách được trích lập theo tỷ lệ 2% trên tổng dự toán chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên năm 2024.

- Về quỹ lương cho biên chế được giao:

+ Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: Quỹ tiền lương thực tế theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: quỹ tiền lương của số biên chế thực tế có mặt và quỹ tiền lương biên chế chưa tuyển dụng) với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành. Đối với biên chế chưa tuyển dụng xác định quỹ tiền lương theo hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số lương 2,34) và chỉ tính lương theo ngạch bậc.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục: Quỹ tiền lương thực tế theo số biên chế thực tế (không vượt tổng số biên chế được giao) với hệ số lương thực tế và mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp VH-TT - TDTT - PTTT và đơn vị sự nghiệp kinh tế khác: Quỹ tiền lương thực tế theo số biên chế thực tế (không vượt tổng số biên chế được giao) với hệ số lương thực tế và mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.

Định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cụ thể như sau:

+ Cơ quan Đảng: định mức 89 triệu đồng/biên chế được giao;

+ Cơ quan quản lý Nhà nước, Đoàn thể: định mức 79 triệu đồng/biên chế được giao. Ngoài ra, phân bổ thêm kinh phí hoạt động đối với các phòng, ban có ít biên chế (tỷ lệ % x tổng kinh phí chi hoạt động theo định mức 79 triệu đồng/biên chế), cụ thể: đơn vị có từ 06 đến 09 biên chế được tính thêm 5%; đơn vị có từ 05 biên chế trở xuống được tính thêm 10%;

+ Các đơn vị sự nghiệp giáo dục: định mức 4,1 triệu đồng/học sinh; riêng các đơn vị giáo dục mầm non được phân bổ thêm 1,5 lần định mức chung của đơn vị sự nghiệp giáo dục. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp giáo dục đã bao gồm kinh phí hoạt động chung của ngành giáo dục là 50.000 đồng/học sinh. Số học sinh làm cơ sở phân bổ dự toán theo danh sách học sinh thực tế tại các trường tháng 11/2023.

+ Đơn vị sự nghiệp VH TT - TDTT - PTTT: Tỉnh không giao định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp VH TT - TDTT - PTTT, ngân sách huyện tự cân đối trong dự toán chi hàng năm để phân bổ. Do đó, UBND huyện phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên cho đơn vị theo định mức 80 triệu đồng/biên chế như năm 2023 nhằm đảm bảo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Đơn vị sự nghiệp kinh tế khác (ngoại trừ Trung tâm Phát triển quỹ đất do đơn vị đã được giao tự chủ một phần chi thường xuyên): Tỉnh không giao định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên cho các đơn vị, ngân sách huyện tự cân đối trong dự toán chi hàng năm để phân bổ. Do đó, UBND huyện phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên cho các đơn vị theo định mức 85 triệu đồng/biên chế như năm 2023 nhằm đảm bảo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Việc phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên năm 2024 cho các cơ quan khối quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể hiện đang có các hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP được thực hiện theo mức phân bổ như năm 2023.

Với những nội dung phân tích nêu trên, dự kiến chi ngân sách huyện năm 2024 là 548.138 triệu đồng, gồm:

I. Chi đầu tư phát triển: 204.560 triệu đồng. Trong đó:

- Chi XD CB: 177.333 triệu đồng (cân đối từ nguồn XD CB tập trung là 41.038 triệu đồng; nguồn XSKT là 19.000 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất là 40.000 triệu đồng; nguồn tăng thu dự toán 2024 so với dự toán năm 2023 là 54.111 triệu đồng; nguồn kết dư ngân sách 19.843 triệu đồng; nguồn dân số thấp cân đối sử dụng 3.341 triệu đồng).

- Mua sắm, sửa chữa TSCĐ: 26.727 triệu đồng (cân đối từ nguồn mua sắm sửa chữa tài sản được UBND tỉnh phân bổ 13.080 triệu đồng; nguồn XSKT là 1.041 triệu đồng; nguồn chi dân số thấp là 12.606 triệu đồng).

- Ủy thác vốn qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương nhằm thực hiện chính sách cho vay theo quy định: 500 triệu đồng.

II. Chi thường xuyên: 332.829 triệu đồng. Trong đó:

1. Chi sự nghiệp nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 68.836 triệu đồng.
2. Chi quốc phòng, an ninh: 11.390 triệu đồng.
3. Chi ứng dụng khoa học công nghệ: 113 triệu đồng.
4. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình: 12.492 triệu đồng.
5. Chi các hoạt động kinh tế, sự nghiệp môi trường: 85.072 triệu đồng.
6. Chi các đơn vị sự nghiệp kinh tế: 6.478 triệu đồng.
7. Chi ứng dụng khoa học công nghệ: 113 triệu đồng.
8. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể, hội đặc thù: 69.597 triệu đồng.
9. Chi đảm bảo xã hội: 11.298 triệu đồng.
10. Chi khen thưởng: 1.342 triệu đồng.

11. Chi thực hiện cải cách tiền lương: 58.052 triệu đồng.

12. Chi khác: 8.160 triệu đồng.

III. Chi dự phòng: 10.748 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 và dự kiến dự toán năm 2024 của huyện Côn Đảo./.

Ghi chú :

- Kèm theo dự kiến nhiệm vụ thu, chi và dự kiến phương án phân bổ dự toán năm 2024.

- Số liệu dự toán thu, chi năm 2024 nêu trên là số liệu dự kiến phân bổ ngân sách huyện cập nhật đến ngày 27/11/2023 dựa trên cơ sở các tài liệu được UBND tỉnh trình HĐND tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh; sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định giao chỉ tiêu chính thức nếu có thay đổi sẽ đề nghị điều chỉnh, bổ sung.

Nơi nhận:

- TTr: HU, HĐND;
- Chủ tịch, các PCTUB huyện;
- Ban Kinh tế xã hội HĐND huyện;
- Công khai trên Cổng TTĐT UBND huyện ;
- Lưu: VT, TC-KH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

ƯỚC THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023, DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung thu	DT 2023		UTH năm 2023		So sánh UTH năm 2023/DT 2023		DỰ TOÁN 2024		So sánh DT 2024/UTH 2023	
		Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	7	8	9=7/3	10=8/4
	Tổng thu NSNN (A+B+C+D)	420.002	397.976	832.974	804.585	198,33%	202,17%	575.630	548.138	69,1%	68,1%
	Thu không tính kết dư, chuyển nguồn (A+B)	400.002	377.976	425.093	396.704	106,27%	104,95%	535.787	508.295	126,0%	128,1%
A	Thu NSNN trên địa bàn	83.917	61.891	101.408	73.019	120,84%	117,98%	212.720	185.228	209,8%	253,7%
1	Số thu NQD từ các DN cổ phần hóa trong thời kỳ 2011-2015	-	-	-	-			-	-		
2	DNNN Trung ương	300	204	550	324	183,33%	159,02%	200	104	36,4%	32,1%
	Thuế GTGT	200	104	370	192	185,00%	185,00%	100	52	27,0%	27,0%
	Thuế TNDN	-	-	100	52			100	52	100,0%	100,0%
	Thuế TTĐB	-	-	-	-			-	-		
	Thuế tài nguyên	100	100	80	80	80,00%	80,00%	-	-	0,0%	0,0%
3	DNNN địa phương	10.200	5.736	11.940	6.708	117,06%	116,95%	12.100	6.724	101,3%	100,2%
	Thuế GTGT	7.500	3.900	6.500	3.380	86,67%	86,67%	7.000	3.640	107,7%	107,7%
	Thuế TNDN	1.800	936	4.400	2.288	244,44%	244,44%	4.200	2.184	95,5%	95,5%
	Thuế TTĐB	-	-	-	-			-	-		
	Thuế tài nguyên	900	900	1.040	1.040	115,56%	115,56%	900	900	86,5%	86,5%
4	Đầu tư nước ngoài	8.500	4.420	7.050	3.668	82,94%	83,00%	7.450	3.874	105,7%	105,6%
	Thuế GTGT	7.500	3.900	4.700	2.444	62,67%	62,67%	4.930	2.564	104,9%	104,9%
	Thuế TNDN	1.000	520	2.175	1.131	217,50%	217,50%	2.320	1.206	106,7%	106,7%
	Thuế TTĐB	-	-	170	88			200	104	117,6%	117,6%
	Thuế tài nguyên	-	-	5	5			-	-	0,0%	0,0%
5	Thu NQD	20.200	10.504	28.300	14.726	140,10%	140,19%	29.600	15.392	104,6%	104,5%
-	Thuế GTGT	19.000	9.880	26.250	13.650	138,16%	138,16%	27.800	14.456	105,9%	105,9%

STT	Nội dung thu	DT 2023		UTH năm 2023		So sánh UTH năm 2023/DT 2023		DỰ TOÁN 2024		So sánh DT 2024/UTH 2023	
		Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng
-	Thuế TNDN	900	468	1.750	910	194,44%	194,44%	1.500	780	85,7%	85,7%
-	Thuế TTĐB	300	156	280	146	93,33%	93,33%	300	156	107,1%	107,1%
-	Thuế tài nguyên		-	20	20			-	-		
6	Lệ phí trước bạ	2.000	2.000	3.000	3.000	150,00%	150,00%	3.000	3.000	100,0%	100,0%
7	Thuế TNCN	7.000	3.510	7.000	3.250	100,00%	92,59%	7.300	3.364	104,3%	103,5%
	<i>Trong đó: Thuế TNCN từ tiền công</i>	250	-	750	-			830	-		
8	Thuế SD đất nông nghiệp	-	-	-	-			-	-		
9	Thuế SD đất phi NN	-	-	120	120			-	-	0,0%	0,0%
10	Tiền thuê đất	2.000	2.000	6.700	6.700	335,00%	335,00%	110.000	110.000	1641,8%	1641,8%
11	Phí, lệ phí	1.700	1.700	850	850	50,00%	50,00%	850	850	100,0%	100,0%
12	Thu tiền sử dụng đất	30.000	30.000	30.000	30.000	100,00%	100,00%	40.000	40.000	133,3%	133,3%
	<i>Trừ: thu từ đấu giá</i>	-	-	-	-			-	-		
13	Thuế BVMT	-	-	-	-			-	-		
14	Thu cấp quyền khai thác KS	-	-	-	-			-	-		
15	Thu khác ngân sách	2.017	1.817	5.750	3.574	285,08%	196,70%	2.220	1.920	38,6%	53,7%
	<i>- Thu phạt VPHC do ngành thuế thực hiện</i>	200	-	356	-	178,00%		300	-		
	<i>- Thu tiền chậm nộp do ngành thuế thực hiện</i>	100	100	1.000	1.000	1000,00%	1000,00%	100	100	10,0%	10,0%
	<i>- Thu khác ngân sách</i>	1.717	1.717	4.394	2.574	255,91%	149,91%	1.820	1.820	41,4%	100,0%
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	49	-			-	-		
17	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	-	-	99	99			-	-		
18	Thu thù hoạt động xuất nhập khẩu	-	-	-	-			-	-		
	<i>Thuế GTGT hàng nhập khẩu</i>	-	-	-	-			-	-		
B	Thu bổ sung từ NS cấp trên	316.085	316.085	323.685	323.685	102,40%	102,40%	323.067	323.067	99,8%	99,8%
	<i>- Bổ sung cân đối</i>	298.527	298.527	298.527	298.527	100,00%	100,00%	298.527	298.527	100,0%	100,0%
	<i>- Bổ sung có mục tiêu</i>	17.558	17.558	25.158	25.158	143,29%	143,29%	24.540	24.540	97,5%	97,5%
C	Thu chuyển nguồn			71.812	71.812						

STT	Nội dung thu	DT 2023		UTH năm 2023		So sánh UTH năm 2023/DT 2023		DỰ TOÁN 2024		So sánh DT 2024/UTH 2023	
		Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng
D	Thu kết dư	20.000	20.000	336.069	336.069			39.843	39.843	11,9%	11,9%

ƯỚC CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023, NHIỆM VỤ CHI NĂM 2024 THEO LĨNH VỰC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Lĩnh vực chi	Dự toán năm 2023			So sánh UTH 2023/DT 2023	Dự toán năm 2024		So sánh	
		Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao đầu năm	UTH năm 2023		Dự kiến UBND tỉnh giao	Dự kiến trình HĐND	DT 2024 HĐND huyện giao /DT2024 tỉnh giao	DT 2024 huyện/ DT 2023 (HĐND huyện giao)
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8/7	10=8/4
	TỔNG CỘNG	377.976	397.976	432.272	108,62%	508.295	548.138	107,84%	137,73%
I	Chi đầu tư phát triển	100.938	106.618	154.198	144,63%	168.270	204.560	114,27%	121,57%
1	Chi XDCB	87.858	80.864	121.190	149,87%	155.190	177.333	114,27%	219,30%
1.1	Chi XDCB từ nguồn tập trung	41.038	41.038			41.038	41.038	100,00%	100,00%
1.2	SXKT	16.820	9.826			20.041	19.000	94,81%	193,36%
1.3	Chi từ nguồn tiền sd đất	30.000	30.000			40.000	40.000	100,00%	133,33%
1.4	Chi đảm bảo mặt bằng dự toán						-		
1.5	Chi từ nguồn tăng thu					54.111	54.111		
1.6	Chi từ nguồn kết dư ngân sách						19.843		
1.7	Chi từ nguồn dân số thấp						3.341		
2	Chi mua sắm, sửa chữa TS	13.080	25.754	33.008	128,17%	13.080	26.727	204,33%	103,78%
2.1	Chi từ nguồn mua sắm, sửa chữa TS được UBND tỉnh phân bổ	13.080	13.080			13.080	13.080	100,00%	100,00%
2.2	Chi từ nguồn xổ số kiến thiết		6.994				1.041		14,88%
2.3	Cân đối từ nguồn dân số thấp		5.680				12.606		
3	Ủy thác vốn qua PGD NHCSXH						500		
II	Chi thường xuyên	269.627	283.554	267.660	94,39%	330.057	332.829	100,84%	117,38%
1	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường, trong đó:	28.807	100.501	90.526	90,07%	28.807	85.072	295,32%	84,65%

Số TT	Lĩnh vực chi	Dự toán năm 2023			So sánh UTH 2023/DT 2023	Dự toán năm 2024		So sánh	
		Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao đầu năm	UTH năm 2023		Dự kiến UBND tỉnh giao	Dự kiến trình HĐND	DT 2024 HĐND huyện giao /DT2024 tỉnh giao	DT 2024 huyện/ DT 2023 (HĐND huyện giao)
1.1	Chi từ nguồn SNKT được UBND tỉnh phân bổ	22.755	74.449			22.755	22.755	100,00%	30,56%
1.2	Chi SNMT được UBND tỉnh phân bổ	6.052	6.052			6.052	6.052	100,01%	100,00%
1.3	Chi từ nguồn kết dư ngân sách		20.000				20.000		100,00%
1.4	Chi từ nguồn dân số thấp						36.265		
2	Sự nghiệp kinh tế khác		6.257	6.257	100,00%		6.478		103,54%
3	Chi ứng dụng khoa học công nghệ	100	100	100	100,00%	113	113	100,00%	113,00%
4	Sự nghiệp VH TT, TDTT	2.668	11.684	11.684	100,00%	2.668	12.492	468,21%	106,91%
5	Sự nghiệp PTTH	5.136				5.136	-	0,00%	
6	Chi sự nghiệp giáo dục	57.190	58.689	58.689	100,00%	59.338	66.836	112,64%	113,88%
7	Chi đào tạo	447	2.388	1.800	75,38%	447	2.000	447,48%	83,76%
8	Chi sự nghiệp y tế								
9	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, hội đặc thù	56.735	66.741	66.741	100,00%	58.332	69.597	119,31%	104,28%
10	Chi đảm bảo xã hội	11.296	11.296	8.856	78,40%	11.298	11.298	100,00%	100,02%
11	Chi an ninh - quốc phòng	14.685	11.390	8.500	74,63%	14.685	11.390	77,56%	100,00%
12	Chi trợ giá	0				-	-		
13	Chi thi đua, KT	1.342	1.342	1.342	100,00%	1.342	1.342	100,02%	100,00%
14	Chi dân số thấp	89.451				89.451		0,00%	
15	Chi thực hiện cải cách tiền lương	0	0			56.669	58.052	102,44%	
16	Chi khác	1.771	13.165	13.165	100,00%	1.771	8.160	460,68%	61,98%
III	Dự phòng	7.411	7.804	200	2,56%	9.968	10.748	107,83%	137,72%
IV	Chi nộp trả ngân sách tỉnh			10.214					

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH HUYỆN CÔN ĐẢO NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2023 của UBND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Biên chế	Tổng cộng	Kinh phí hoạt động		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (đối với chi QLHC); chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ (đối với chi QLHC); chi không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)
				Trong định mức	Ngoài định mức (cân đối từ nguồn chi dân số thấp; cân đối giữa các nhiệm vụ chi; nguồn kết dư)		
1	2	3	4= 7+8	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG		548.137.461.000	300.942.000.000	247.195.461.000	120.817.675.000	427.319.786.000
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		204.560.000.000	116.421.000.000	88.139.000.000		204.560.000.000
1	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN		177.333.000.000	102.300.000.000	75.033.000.000		177.333.000.000
2	CHI MUA SẴM, SCTS		26.727.000.000	14.121.000.000	12.606.000.000		26.727.000.000
3	ỦY THÁC VỐN QUA PGD NHCSXH		500.000.000		500.000.000		500.000.000
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	127	332.829.461.000	177.652.000.000	155.177.461.000	120.817.675.000	212.011.786.000
1	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HỘI ĐẶC THÙ	127	69.709.528.000	56.834.000.000	12.875.528.000	42.243.130.000	27.466.398.000
2	SỰ NGHIỆP KHÁC		6.478.334.000		6.478.334.000	5.310.089.000	1.168.245.000
3	SỰ NGHIỆP VH-TT; TDTT; PTTT		12.491.764.000	7.804.000.000	4.687.764.000	8.863.185.000	3.628.579.000
4	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC		66.835.585.000	57.959.000.000	8.876.585.000	64.401.271.000	2.434.314.000
5	CHI ĐÀO TẠO		2.000.233.000	447.000.000	1.553.233.000		2.000.233.000
6	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		11.298.000.000	11.298.000.000			11.298.000.000
7	CHI AN NINH - QUỐC PHÒNG		11.390.000.000	11.390.000.000			11.390.000.000
8	THI ĐUA KHEN THƯỞNG		1.342.000.000	1.342.000.000			1.342.000.000

STT	Tên đơn vị	Biên chế	Tổng cộng	Kinh phí hoạt động		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (đối với chi QLHC); chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ (đối với chi QLHC); chi không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)
				Trong định mức	Ngoài định mức (cân đối từ nguồn chi dân số thấp; cân đối giữa các nhiệm vụ chi; nguồn kết dư)		
9	CHI KHÁC		8.160.000.000	1.771.000.000	6.389.000.000		8.160.000.000
10	CHI THỰC HIỆN NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (còn lại)		58.052.017.000		58.052.017.000		58.052.017.000
11	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		85.072.000.000	28.807.000.000	56.265.000.000		85.072.000.000
III	DỰ PHÒNG		10.748.000.000	6.869.000.000	3.879.000.000		10.748.000.000

Ghi chú:

- Kinh phí trong định mức: Phụ cấp khu dân cư, các đoàn thể khu dân cư, kinh phí hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể và đơn vị sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp VH TT, TDTT, PTTT, chi đảm bảo xã hội, ANQP, chi SNKT, chi khác, chi nhiệm vụ đặc thù theo định mức được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh điều chỉnh một số định mức chi; Chi thanh toán cá nhân gồm quỹ lương, các khoản đóng góp; lương tính theo mức 1.800.000 đồng (hệ số lương tại thời điểm lập dự toán, tháng 11/2023); chi hỗ trợ theo Nghị quyết 16/2020/NQ-HĐND tỉnh

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương cân đối, phân bổ từ tổng thể ngân sách huyện đảm bảo mức theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao.

- Trên cơ sở dự toán giao, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn thực hiện để lập dự toán chi thường xuyên theo nhóm, mục, tiểu mục (Thông tư 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính và Công văn số 7080/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 của Bộ Tài chính).